

BỘ QUỐC PHÒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2020/TT-BQP

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2020

THÔNG TƯ

**QUY ĐỊNH VIỆC ÁP DỤNG CÁC HÌNH THỨC KỶ LUẬT, TRÌNH TỰ,
THỦ TỤC, THỜI HIỆU, THỜI HẠN VÀ THẨM QUYỀN XỬ LÝ KỶ LUẬT
TRONG BỘ QUỐC PHÒNG**

Căn cứ Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật nghĩa vụ quân sự ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 12 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật trong Bộ Quốc phòng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật trong Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ (sau đây gọi chung là quân nhân), công chức quốc phòng, công nhân

quốc phòng, viên chức quốc phòng (sau đây gọi chung là công chức, công nhân và viên chức quốc phòng) và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các đối tượng sau đây vi phạm pháp luật của nhà nước, điều lệnh, điều lệ của Quân đội thì cũng áp dụng Thông tư này để xem xét, xử lý kỷ luật:

a) Người lao động hợp đồng đang phục vụ trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu;

c) Dân quân, tự vệ phối thuộc với Quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc làm nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

d) Công dân được trưng tập vào phục vụ trong Quân đội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người vi phạm là người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nhà nước, điều lệnh, điều lệ quân đội mà theo quy định của Thông tư này và văn bản pháp luật có liên quan phải bị xử lý kỷ luật.

2. Tình trạng mất năng lực hành vi dân sự là tình trạng của người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nhà nước, điều lệnh, điều lệ quân đội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu kỷ luật.

3. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

4. Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích của nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

5. Điều kiện bất khả kháng là hành vi vi phạm pháp luật nhà nước, điều lệnh, điều lệ quân đội xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Điều 4. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

1. Mọi vi phạm kỷ luật phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh; hậu quả do vi phạm kỷ luật gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm kỷ luật được tiến hành nhanh chóng, chính xác, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật.

3. Việc xử phạt vi phạm kỷ luật phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng.

4. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật; không áp dụng các hình thức kỷ luật khác thay cho hình thức kỷ luật được pháp luật quy định.

5. Không áp dụng hình thức kỷ luật tước danh hiệu quân nhân và buộc thôi việc đối với nữ quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng khi mang thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

6. Không áp dụng hình thức kỷ luật giáng cấp bậc quân hàm đối với quân nhân đang giữ cấp bậc quân hàm thiếu úy; không áp dụng hình thức kỷ luật hạ bậc lương đối với công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang hưởng lương Bậc 1.

7. Khi xử lý kỷ luật, ngoài hình thức kỷ luật đối với từng hành vi vi phạm, nếu vi phạm gây thiệt hại về vật chất, người vi phạm còn phải bồi thường. Tài sản, tiền, vật chất do hành vi vi phạm mà có, phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

8. Mỗi hành vi vi phạm kỷ luật chỉ xử lý một hình thức kỷ luật; nếu cùng một lần vi phạm kỷ luật mà người vi phạm thực hiện nhiều hành vi vi phạm khác nhau thì phải xem xét, kết luận, làm rõ mức độ vi phạm và hình thức kỷ luật đối với từng hành vi vi phạm nhưng chỉ áp dụng hình thức kỷ luật chung cho các hành vi vi phạm và không vượt quá hình thức kỷ luật của hành vi có mức xử lý kỷ luật cao nhất.

Trường hợp xử lý nhiều hình thức kỷ luật (hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm với cách chức hoặc giáng chức) do cấp có thẩm quyền quyết định.

9. Người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên (sau đây gọi chung là người chỉ huy) các cấp phải chịu trách nhiệm về tình hình vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật của quân nhân thuộc quyền; tùy tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả gây ra của vụ việc và mức độ liên quan đến trách nhiệm của người chỉ huy trực tiếp và trên một cấp để xác định hình thức kỷ luật theo quy định tại Thông tư này.

10. Người thực hiện hành vi vi phạm kỷ luật có dấu hiệu tội phạm, thì cơ quan, đơn vị không giảm quân số quản lý mà chuyển hồ sơ vi phạm sang Cơ quan điều tra trong Quân đội để xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp bị tòa án xét xử và tuyên phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo thì chỉ giải quyết chế độ, chính sách khi đã có quyết định thi hành án của Tòa án.

Điều 5. Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

1. Tình tiết giảm nhẹ:

- a) Người vi phạm kỷ luật đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;
- b) Người vi phạm kỷ luật đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi, tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm, xử lý vi phạm kỷ luật;
- c) Vi phạm kỷ luật do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần; vi phạm trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

2. Tình tiết tăng nặng:

- a) Vi phạm kỷ luật nhiều lần hoặc tái phạm;
- b) Ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất hoặc tinh thần thực hiện hành vi vi phạm kỷ luật;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm kỷ luật;
- d) Tiếp tục vi phạm kỷ luật mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm đó;
- đ) Sau khi vi phạm kỷ luật đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm kỷ luật

3. Tình tiết quy định tại Khoản 2 Điều này đã được quy định là hành vi vi phạm kỷ luật thì không được coi là tình tiết tăng nặng.

Điều 6. Những trường hợp chưa xem xét kỷ luật và miễn trách nhiệm kỷ luật

1. Những trường hợp chưa xem xét kỷ luật:

- a) Trong thời gian nghỉ phép hằng năm, nghỉ theo chế độ;
- b) Trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ sở quân y hoặc cơ sở y tế;
- c) Trong thời gian hưởng chế độ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng;
- d) Đang trong thời gian chờ kết quả giải quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

2. Những trường hợp miễn trách nhiệm kỷ luật:

- a) Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi vi phạm pháp luật nhà nước, điều lệnh, điều lệ quân đội;
- b) Vi phạm pháp luật nhà nước, điều lệnh, điều lệ Quân đội trong trường hợp phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết và do điều kiện bất khả kháng;
- c) Chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy cấp trên hoặc phân công nhiệm vụ của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Điều 7. Khiếu nại quyết định xử lý kỷ luật

1. Trường hợp người vi phạm kỷ luật không đồng ý với quyết định xử lý kỷ luật thì có quyền khiếu nại đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Khi chưa có quyết định giải quyết của cấp có thẩm quyền, người vi phạm kỷ luật vẫn phải chấp hành nghiêm quyết định hiện hành.

2. Các cơ quan, đơn vị khi nhận được khiếu nại của người vi phạm kỷ luật phải có trách nhiệm xem xét trả lời theo đúng thẩm quyền và đúng thời hạn theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Điều 8. Tạm đình chỉ công tác đối với người vi phạm kỷ luật

1. Trường hợp người vi phạm kỷ luật nếu tiếp tục làm việc có thể ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị hoặc gây khó khăn cho việc xác minh thì trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, trung đoàn trưởng, chính ủy trung đoàn và tương đương trở lên được quyền tạm đình chỉ công tác đối với người vi phạm kỷ luật thuộc quyền quản lý và tạm thời chỉ định người thay thế, nhưng phải báo cáo lên cấp trên.

2. Thời hạn tạm đình chỉ công tác không quá 03 (ba) tháng. Trường hợp đặc biệt do có nhiều tình tiết phức tạp cần được làm rõ thì có thể kéo dài nhưng không được quá 05 (năm) tháng.

Điều 9. Bồi thường thiệt hại

1. Người vi phạm kỷ luật phải bồi thường thiệt hại đã gây ra theo quy định của pháp luật và của Quân đội.

2. Quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng được cử đi đào tạo bằng nguồn ngân sách Nhà nước phải đền bù chi phí đào tạo trong các trường hợp sau:

- a) Tự ý bỏ học;
- b) Vi phạm kỷ luật đến mức không được tiếp tục đào tạo;
- c) Đã tốt nghiệp nhưng không nhận nhiệm vụ hoặc bỏ việc khi chưa đủ thời gian công tác đến 05 năm đối với những đối tượng được đào tạo dưới 05 năm và đến 07 năm đối với những đối tượng được đào tạo từ 05 năm trở lên tính từ khi tốt nghiệp.

Điều 10. Hình thức kỷ luật

1. Hình thức kỷ luật đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp

Hình thức kỷ luật đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thực hiện theo quy định của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Khoản 1 Điều 50 Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng được xếp từ thấp đến cao như sau:

- a) Khiển trách;

- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Giáng cấp bậc quân hàm;
- đ) Giáng chức;
- e) Cách chức;
- g) Tước quân hàm sĩ quan;
- h) Tước danh hiệu quân nhân.

2. Hình thức kỷ luật đối với hạ sĩ quan, binh sĩ thực hiện theo quy định Khoản 1 Điều 60 Luật Nghĩa vụ quân sự được xếp từ thấp đến cao như sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Giáng cấp bậc quân hàm;
- d) Giáng chức;
- đ) Cách Chức;
- e) Tước danh hiệu quân nhân.

3. Hình thức kỷ luật đối với công chức, công nhân và viên chức quốc phòng thực hiện theo quy định Khoản 2 Điều 50 Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng được xếp từ thấp đến cao như sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Buộc thôi việc.

Chương II

XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC, ĐIỀU LỆNH, ĐIỀU LỆ QUÂN ĐỘI

Điều 11. Vi phạm chế độ trách nhiệm của người chỉ huy

1. Người chỉ huy trực tiếp và trên một cấp do thiếu trách nhiệm trong quản lý, chỉ huy mà để quân nhân; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc quyền vi phạm pháp luật nhà nước, điều lệnh, điều lệ quân đội đến mức bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị kỷ luật từ khiển trách đến cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức:

a) Biết hoặc phát hiện dấu hiệu cấp dưới thuộc quyền có hành vi vi phạm nhưng không có biện pháp kịp thời ngăn chặn;

b) Bao che cho hành vi vi phạm của cấp dưới.

3. Trường hợp người vi phạm đã chết, căn cứ vào kết quả điều tra, xác minh và tính chất vụ việc để xử lý trách nhiệm của người chỉ huy theo Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quyền hạn của người chỉ huy

1. Người chỉ huy nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm sai nguyên tắc, quy định hoặc ra mệnh lệnh vượt quá quyền hạn thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức:

a) Sử dụng các phương tiện, trang bị của quân đội để thực hiện hành vi vi phạm;

b) Đã được can ngăn, nhắc nhở nhưng vẫn cố tình vi phạm;

c) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm.

Điều 13. Chống mệnh lệnh

1. Không chấp hành mệnh lệnh hoặc không thực hiện nhiệm vụ khi người chỉ huy trực tiếp hoặc cấp có thẩm quyền giao mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị kỷ luật cảnh cáo hoặc hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm, giáng chức, cách chức, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc:

a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;

b) Lôi kéo người khác tham gia;

c) Trong sẵn sàng chiến đấu;

b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm.

Điều 14. Chấp hành không nghiêm mệnh lệnh

1. Khi được người chỉ huy trực tiếp hoặc cấp trên có thẩm quyền ra lệnh hoặc giao nhiệm vụ nhưng chấp hành không đầy đủ, lơ là, tùy tiện, chậm trễ gây trở ngại cho việc chỉ huy, ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị hoặc gây hậu quả chưa đến mức nghiêm trọng thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm:

a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;

- b) Lôi kéo người khác tham gia;
- c) Trong sẵn sàng chiến đấu.

Điều 15. Cản trở đồng đội thực hiện nhiệm vụ

1. Gây khó khăn hoặc xúi giục nhằm cản trở đồng đội thực hiện nhiệm vụ, thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức:

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Lôi kéo người khác tham gia.

Điều 16. Làm nhục, hành hung người chỉ huy hoặc cấp trên

1. Dùng lời nói, hành động xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, uy tín, thân thể người chỉ huy hoặc cấp trên thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc:

- a) Là sĩ quan;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Lôi kéo người khác tham gia.

Điều 17. Làm nhục hoặc dùng nhục hình đối với cấp dưới

1. Người chỉ huy hoặc cấp trên dùng lời nói hoặc có hành động xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, thân thể của cấp dưới thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc:

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 18. Làm nhục, hành hung đồng đội

1. Dùng lời nói hoặc có hành động xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, thân thể đồng đội mà giữa họ không có quan hệ chỉ huy và phục tùng thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm, giáng chức, cách chức, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Lôi kéo người khác tham gia;

c) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;

d) Gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 19. Vắng mặt trái phép

1. Vắng mặt ở đơn vị dưới 24 (hai bốn) giờ từ 02 lần trở lên hoặc từ 24 (hai bốn) giờ trở lên đến 03 (ba) ngày đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; dưới 24 (hai bốn) giờ từ 02 lần trở lên hoặc từ 24 (hai bốn) giờ trở lên đến 07 (bảy) ngày đối với hạ sĩ quan, binh sĩ mà không được phép của người chỉ huy có thẩm quyền thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ cảnh cáo đến hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm:

a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;

b) Lôi kéo người khác tham gia;

c) Gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 20. Đào ngũ

1. Tự ý rời khỏi đơn vị lần đầu quá 03 (ba) ngày đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; quá 07 (bảy) ngày đối với hạ sĩ quan, binh sĩ nhưng không thuộc các trường hợp được quy định tại Bộ luật hình sự thì bị kỷ luật từ cảnh cáo đến hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc:

a) Gây hậu quả nhưng chưa đến mức độ nghiêm trọng;

b) Khi đang làm nhiệm vụ;

c) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;

d) Lôi kéo người khác tham gia.

Điều 21. Trốn tránh nhiệm vụ

1. Tự gây thương tích, gây tổn hại đến sức khỏe của mình, giả bị bệnh hoặc dùng các hình thức gian dối khác để trốn tránh, thoái thác nhiệm vụ được giao thì bị kỷ luật từ cảnh cáo đến hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức:

a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan.

b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;

c) Lôi kéo người khác tham gia;

Điều 22. Vô ý làm lộ bí mật hoặc làm mất tài liệu bí mật quân sự

1. Vô ý làm lộ bí mật hoặc làm mất tài liệu bí mật quân sự, bí mật Nhà nước nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị kỷ luật từ cảnh cáo đến hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc:

- a) Đã được nhắc nhở, chấn chỉnh nhưng thực hiện không nghiêm;
- b) Trong khu vực có tình hình an ninh chính trị mất ổn định;
- c) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- d) Đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 23. Báo cáo sai, báo cáo không kịp thời, không báo cáo

1. Báo cáo sai, báo cáo không kịp thời, không báo cáo nhằm lừa dối cấp trên, bao che, trốn tránh trách nhiệm, đổ lỗi cho người khác thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức:

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Gây ảnh hưởng đến việc không hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị hoặc ảnh hưởng xấu đến uy tín, danh dự người khác;
- c) Bản thân đang thực hiện nhiệm vụ quan trọng;
- d) Trong khu vực có tình hình an ninh chính trị mất ổn định.

Điều 24. Vi phạm các quy định về trực chiến, trực chỉ huy, trực ban, trực nghiệp vụ

1. Tự ý bỏ vị trí hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu đã bị xử lý kỷ luật mà còn tái phạm thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm, đến giáng chức, cách chức.

Điều 25. Vi phạm các quy định về bảo vệ

1. Chấp hành không nghiêm các quy định về tuần tra, canh gác, áp tải, hộ tống thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm trong trường hợp bảo vệ mục tiêu quan trọng thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức.

Điều 26. Vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn

1. Vi phạm các quy định phòng chống cháy nổ; bảo đảm an toàn trong huấn luyện, công tác, lao động, học tập, sinh hoạt và an toàn giao thông thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức:

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Là người có chuyên môn nghiệp vụ hoặc thiếu trách nhiệm trong việc ngăn chặn hậu quả;
- c) Để xảy ra mất an toàn về người, vũ khí, trang bị, phương tiện, tài sản.

Điều 27. Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự

1. Quản lý, sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự sai quy định để xảy ra mất an toàn về người, vũ khí, trang bị, phương tiện, tài sản thì bị kỷ luật từ cảnh cáo, hạ bậc lương đến giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc:

- a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;
- b) Là người có chuyên môn nghiệp vụ về vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự;
- c) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm.

Điều 28. Vô ý làm mất hoặc làm hư hỏng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự

1. Vô ý làm mất hoặc làm hư hỏng vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc:

- a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;
- b) Trong chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu;
- c) Không có biện pháp tích cực ngăn chặn;

Điều 29. Chiếm đoạt hoặc hủy hoại chiến lợi phẩm

1. Chiếm đoạt hoặc hủy hoại chiến lợi phẩm nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc:

- a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;

- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến đơn vị.

Điều 30. Quấy nhiễu nhân dân

1. Khi tiếp xúc với nhân dân mà có hành vi đòi hỏi, yêu sách, quấy nhiễu, gây phiền hà, khó khăn, cản trở sinh hoạt bình thường của nhân dân hoặc xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của nhân dân nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc:

- a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;
- b) Lôi kéo người khác tham gia;
- c) Trong khu vực có chiến sự hoặc tình trạng khẩn cấp;
- d) Gây ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của Quân đội.

Điều 31. Lạm dụng nhu cầu quân sự trong khi thực hiện nhiệm vụ

1. Trong khi thực hiện nhiệm vụ mà vượt quá phạm vi cần thiết của nhu cầu quân sự gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân:

- a) Từ 10.000.000 (mười triệu) đồng đến 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng thì bị kỷ luật khiển trách;
- b) Từ trên 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến dưới 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng thì bị kỷ luật cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức:

- a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Gây thiệt hại từ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đến dưới 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Điều 32. Ngược đãi tù binh, hàng binh

Vi phạm chính sách tù binh, hàng binh, ngược đãi tù binh, hàng binh nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

Điều 33. Chiếm đoạt tài sản

1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc dùng các thủ đoạn khác để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, tổ chức, công dân có giá trị dưới 2.000.000 (hai triệu)

đồng thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc:

- a) Lôi kéo người khác tham gia;
- b) Làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 34. Vi phạm phong cách quân nhân

1. Vi phạm các quy định của Bộ Quốc phòng về sinh hoạt, học tập, công tác, lễ tiết tác phong quân nhân thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức:

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Lôi kéo người khác tham gia.

Điều 35. Vi phạm trật tự công cộng

1. Vi phạm pháp luật về trật tự công cộng gây hậu quả chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức:

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Lôi kéo người khác tham gia.

Điều 36. Uống rượu, bia trong giờ làm việc và say rượu, bia

1. Uống rượu, bia trong giờ làm việc hoặc khi đang thực hiện nhiệm vụ hoặc say rượu, bia làm ảnh hưởng đến phong cách quân nhân thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức:

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Lôi kéo người khác tham gia;
- c) Say rượu, bia khi đang thực hiện nhiệm vụ;
- d) Say rượu, bia làm mất trật tự công cộng, mất đoàn kết quân dân gây hậu quả chưa đến mức nghiêm trọng.

Điều 37. Tổ chức cho quân nhân đi làm kinh tế trái quy định

1. Tổ chức cho quân nhân đi làm kinh tế trái quy định của Quân đội thì bị kỷ luật cảnh cáo hoặc, hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức.

- a) Gây hậu quả chưa đến mức nghiêm trọng;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm.

Điều 38. Sử dụng trái phép chất ma túy

Sử dụng trái phép các chất ma túy thì bị kỷ luật tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc.

Điều 39. Xử lý kỷ luật đối với các hành vi vi phạm khác

1. Ngoài các hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này, nếu người vi phạm có hành vi vi phạm khác tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm thì bị kỷ luật cảnh cáo hoặc hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc:

- a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Biết sẽ gây hậu quả nhưng không có biện pháp ngăn chặn.

Điều 40. Xử lý kỷ luật đối với người vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên có tội và áp dụng hình phạt

1. Vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên án phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ thì bị kỷ luật từ cảnh cáo đến hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm.

2. Vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên án phạt tù nhưng cho hưởng án treo thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm đến giáng chức, cách chức.

3. Vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên án phạt tù và phải chấp hành hình phạt tại trại giam thì bị kỷ luật tước danh hiệu quân nhân (đối với quân nhân) và buộc thôi việc (đối với công chức, công nhân và viên chức quốc phòng).

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THỜI HIỆU, THỜI HẠN VÀ THẨM QUYỀN XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 41. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật

1. Người vi phạm phải tự kiểm điểm bằng văn bản, trước tập thể cơ quan, đơn vị và tự nhận hình thức kỷ luật. Nếu người vi phạm vắng mặt, không tự kiểm điểm thì cơ quan, đơn vị tiến hành xác minh tại gia đình, địa phương nơi người vi phạm cư trú và lập biên bản về sự vắng mặt của người vi phạm. Biên bản xác

minh được công bố trước cơ quan, đơn vị và có giá trị như bản tự kiểm điểm của người vi phạm.

2. Tập thể cơ quan, đơn vị phân tích, phê bình, tham gia ý kiến về hành vi vi phạm và đề xuất hình thức kỷ luật. Nếu người vi phạm vắng mặt thì căn cứ vào biên bản xác minh, hồ sơ vi phạm, hành vi vi phạm kỷ luật của người vi phạm, tập thể cơ quan, đơn vị tổ chức cuộc họp phân tích, phê bình, tham gia ý kiến và đề xuất hình thức kỷ luật.

3. Người chỉ huy phải kiểm tra, xác minh trực tiếp hoặc ủy quyền cho cấp có thẩm quyền trực tiếp gặp người vi phạm để người vi phạm trình bày ý kiến. Nếu người vi phạm vắng mặt thì người chỉ huy căn cứ vào biên bản xác minh, hồ sơ vi phạm, để kết luận về hành vi vi phạm, hình thức kỷ luật đối với người vi phạm.

4. Kết luận về hành vi vi phạm kỷ luật.

5. Báo cáo cấp ủy Đảng có thẩm quyền xem xét, thông qua (nếu có).

6. Ra quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật theo quyền hạn phân cấp.

7. Tổ chức công bố quyết định kỷ luật, báo cáo lên trên và lưu trữ hồ sơ ở đơn vị.

Điều 42. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật trong một số trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp người vi phạm thuộc quyền có hành vi chống mệnh lệnh hoặc có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng thì người chỉ huy phải có biện pháp ngăn chặn kịp thời và báo cáo ngay lên cấp trên có thẩm quyền.

2. Trường hợp người vi phạm không chấp hành kiểm điểm xét kỷ luật thì người chỉ huy căn cứ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, đề nghị của cấp dưới và các tổ chức quần chúng để triệu tập họp chỉ huy, cấp ủy xem xét, quyết định hình thức kỷ luật theo quyền hạn.

3. Trường hợp bị kỷ luật tước danh hiệu quân nhân thì chỉ huy đơn vị quản lý quân nhân bị xử lý từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên phải cử người đưa quân nhân bị kỷ luật, cùng toàn bộ hồ sơ có liên quan bàn giao cho cơ quan quân sự cấp huyện nơi quân nhân cư trú (trừ trường hợp đào ngũ không trở lại đơn vị hoặc bị tòa án tuyên án phạt tù).

4. Trường hợp quân nhân đào ngũ bị xử lý kỷ luật vắng mặt thì đơn vị gửi văn bản thông báo hình thức xử lý và yêu cầu quân nhân vi phạm trở lại đơn vị về Ủy ban nhân dân cấp phường, xã, thị trấn, cơ quan quân sự cấp huyện nơi quân nhân cư trú và gia đình quân nhân. Nếu sau 30 ngày, kể từ ngày thông báo mà quân nhân vi phạm vẫn không trở lại đơn vị thì bị coi là đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.

5. Trường hợp người vi phạm pháp luật bị khởi tố, truy tố, xét xử thì chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên ra quyết định người vi phạm không được mang mặc trang phục của Quân đội trong thời gian bị cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử.

6. Trường hợp người vi phạm đã chết thì chỉ xem xét, kết luận về hành vi vi phạm kỷ luật.

7. Trường hợp quân nhân vi phạm kỷ luật trong thời gian biệt phái thì việc xem xét, xử lý kỷ luật do cơ quan, tổ chức sử dụng quân nhân biệt phái tiến hành và gửi toàn bộ hồ sơ, quyết định kỷ luật về cơ quan, đơn vị quản lý quân nhân biệt phái để lưu vào hồ sơ quân nhân.

8. Trường hợp người vi phạm chuyên công tác về cơ quan, đơn vị khác trong Bộ Quốc phòng mới phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật khi công tác ở cơ quan, đơn vị cũ thì do cơ quan, đơn vị cũ tiến hành xem xét kỷ luật và gửi toàn bộ hồ sơ, quyết định kỷ luật về cơ quan, đơn vị đang quản lý người vi phạm để lưu hồ sơ và theo dõi quản lý.

9. Trường hợp người vi phạm thôi phục vụ trong quân đội mới phát hiện có hành vi vi phạm kỷ luật trong thời gian phục vụ trong quân đội thì do cơ quan, đơn vị quân đội đã quản lý tiến hành xem xét xử lý kỷ luật.

Điều 43. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn mà khi hết thời hạn đó thì người có hành vi vi phạm không bị xem xét xử lý kỷ luật.

a) Thời hiệu xử lý kỷ luật là 60 tháng, kể từ thời điểm có hành vi vi phạm. Nếu trong thời hiệu xử lý kỷ luật, người vi phạm có hành vi vi phạm mới thì thời hiệu xử lý kỷ luật đối với vi phạm cũ được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm mới;

b) Không áp dụng thời hiệu đối với: Hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật tước quân hàm sĩ quan và tước danh hiệu quân nhân; hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ; hành vi vi phạm xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại; hành vi sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp và quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

2. Thời hạn xử lý kỷ luật đối với quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Thời hạn xử lý kỷ luật là 03 tháng. Trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian kiểm tra, xác minh làm rõ thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 05 tháng.

3. Trường hợp người vi phạm kỷ luật có liên quan đến vụ việc, vụ án đang bị các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử thì trong thời gian điều tra, truy tố, xét xử, đơn vị tạm dừng việc xem xét xử lý kỷ luật. Khi có kết luận cuối cùng của cơ quan pháp luật có thẩm quyền hoặc bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật thì xem xét xử lý kỷ luật theo quy định. Thời hạn xem xét xử lý kỷ luật áp dụng theo Khoản 2 Điều này.

4. Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật phải chịu trách nhiệm về việc xử lý kỷ luật đối với người vi phạm trong thời hạn quy định.

Điều 44. Thời hạn công nhận tiến bộ

1. Sau 12 tháng đối với các hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm và sau 24 tháng đối với các hình thức giáng chức, cách chức kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực mà người vi phạm không có vi phạm mới đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được công nhận tiến bộ.

2. Trong 12 tháng đối với các hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm và trong 24 tháng đối với các hình thức giáng chức, cách chức kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực, nếu người vi phạm lại bị xử lý kỷ luật thì thời hạn công nhận tiến bộ được tính từ ngày quyết định kỷ luật mới có hiệu lực.

3. Người vi phạm kỷ luật đã được công nhận tiến bộ theo quy định tại Khoản 1 Điều này mà lại vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật thì khi xem xét xử lý kỷ luật được coi là hành vi vi phạm mới.

Điều 45. Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với người vi phạm kỷ luật thuộc quyền quản lý

1. Tiểu đội trưởng và chức vụ tương đương được quyền khiển trách chiến sĩ.

2. Trung đội trưởng và chức vụ tương đương được quyền khiển trách đến tiểu đội trưởng và tương đương.

3. Đại đội trưởng, chính trị viên đại đội, trạm trưởng Biên phòng và chức vụ tương đương được quyền:

a) Khiển trách đến trung đội trưởng và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp đại úy; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có mức lương tương đương cấp đại úy;

b) Cảnh cáo đến tiểu đội trưởng và tương đương; hạ sĩ quan đến cấp trung sĩ; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có mức lương tương đương cấp thượng úy;

4. Tiểu đoàn trưởng, chính trị viên tiểu đoàn; đồn trưởng, chính trị viên đồn Biên phòng và chức vụ tương đương được quyền;

a) Khiển trách đến đại đội trưởng, chính trị viên đại đội; trạm trưởng Biên phòng và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp thiếu tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có mức lương tương đương cấp thiếu tá;

b) Cảnh cáo đến trung đội trưởng và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp đại úy; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có mức lương tương đương cấp đại úy;

c) Giáng cấp quân hàm từ binh nhất xuống binh nhì.

5. Trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, chính ủy trung đoàn, lữ đoàn và chức vụ tương đương được quyền:

a) Khiển trách đến tiểu đoàn trưởng, chính trị viên tiểu đoàn; đồn trưởng, chính trị viên đồn Biên phòng và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp trung tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 6,20;

b) Cảnh cáo đến đại đội, chính trị viên đại đội; trạm trưởng Biên phòng và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp thiếu tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có mức lương tương đương cấp thiếu tá;

c) Giáng chức, cách chức tiểu đội trưởng và tương đương;

d) Giáng cấp bậc quân hàm, tước danh hiệu quân nhân đến cấp trung sĩ.

6. Sư đoàn trưởng, chính ủy sư đoàn và chức vụ tương đương được quyền:

a) Khiển trách đến trung đoàn trưởng, chính ủy trung đoàn và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp thượng tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 6,80;

b) Cảnh cáo đến tiểu đoàn trưởng, chính trị viên tiểu đoàn và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp trung tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 6,20;

c) Giáng chức, cách chức đến phó tiểu đoàn trưởng, chính trị viên phó tiểu đoàn và tương đương;

d) Giáng cấp bậc quân hàm, tước danh hiệu quân nhân đến cấp thượng sĩ.

7. Tư lệnh, chính ủy Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển Việt Nam được quyền:

a) Khiển trách đến hải đội trưởng, chính trị viên hải đội và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp thượng tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 6,80;

b) Cảnh cáo đến thuyền trưởng, chính trị viên tàu và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp trung tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 6,20;

c) Giảng chức, cách chức đến phó thuyền trưởng, chính trị viên phó tàu và tương đương;

d) Giảng cấp bậc quân hàm, tước danh hiệu quân nhân đến cấp thượng sĩ.

8. Tư lệnh, chính ủy các đơn vị: Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển; Bộ Tư lệnh 86; Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, binh chủng và chức vụ tương đương được quyền:

a) Khiển trách đến sư đoàn trưởng, chính ủy sư đoàn; tư lệnh, chính ủy Vùng Cảnh sát biển Việt Nam và tương đương;

b) Cảnh cáo đến trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, chính ủy trung đoàn, lữ đoàn và tương đương; sĩ quan đến cấp đại tá, trừ các chức vụ quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Hạ bậc lương, giảng cấp bậc quân hàm sĩ quan đến thiếu tá, quân nhân chuyên nghiệp đến trung tá, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 6,20;

d) Giảng chức, cách chức đến phó trung đoàn trưởng, phó lữ đoàn trưởng, phó chính ủy trung đoàn, lữ đoàn và tương đương.

9. Tư lệnh, chính ủy quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng, quân đoàn; Chủ nhiệm, Chính ủy Tổng cục Hậu cần, Kỹ thuật, Công nghiệp Quốc phòng, Tổng cục II; Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng và tương đương được quyền:

a) Khiển trách đến sư đoàn trưởng, chính ủy sư đoàn; tư lệnh, chính ủy vùng Hải quân; chỉ huy trưởng, chính ủy bộ chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố); Bộ đội Biên phòng tỉnh (thành phố) và tương đương;

b) Cảnh cáo đến trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, chính ủy trung đoàn, lữ đoàn và tương đương, sĩ quan đến cấp đại tá (trừ các chức vụ quy định tại Điểm a Khoản này);

c) Hạ bậc lương, giảng cấp bậc quân hàm đến trung tá, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 6,20;

d) Giảng chức, cách chức đến trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng; chính ủy trung đoàn, lữ đoàn; chỉ huy trưởng, chính trị viên Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

10. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị có thẩm quyền xử lý kỷ luật như quy định tại Khoản 9 Điều này.

11. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xử lý kỷ luật với các đối tượng thuộc thẩm quyền theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2020 và thay thế Thông tư số 192/2016/TT-BQP ngày 26 tháng 11 năm 2016 của Bộ

trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật trong Bộ Quốc phòng.

Điều 47. Trách nhiệm thi hành

Tổng Tham mưu trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Các đ/c Lãnh đạo BQP;
- BTMM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Cục Quân huấn/BTMM;
- Công TTĐT/BQP;
- Lưu: VT, VPC. Hà96.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Ngô Xuân Lịch